

Số: /QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính
phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong
các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;*

*Căn cứ Công văn số 2459/UBND-KT ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chủ
tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc thống nhất chủ trương thực hiện nhiệm vụ
“Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; lập danh mục khu vực phải
đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”;*

*Căn cứ Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 Chủ tịch
UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt đề cương và dự toán thực hiện nhiệm vụ
“Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; lập danh mục khu vực phải
đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”;*

*Căn cứ Công văn số 438/TNN-NĐĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Cục
Quản lý Tài nguyên nước về việc khoanh định, lập danh mục vùng hạn chế, khu
vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;*

*Theo đề nghị của của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 101/TTr-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2022,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, gồm các khu vực thuộc vùng hạn chế 1, vùng hạn chế 3 và vùng hạn chế hỗn hợp. Cụ thể theo Phụ lục Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất

1. Vùng hạn chế 1

a) Đối với những khu vực có biên mặn, có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS) từ 1.500mg/l trở lên; khu vực có bãi chôn lấp chất thải tập trung; khu vực có nghĩa trang tập trung, dừng mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

b) Đối với khu vực liền kề (1000m từ biên mặn; 3000m từ ranh giới đất của bãi chôn lấp chất thải rắn ra ngoài): không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. Đối với các công trình hiện có thực hiện theo các biện pháp sau đây:

- Trường hợp công trình hiện hữu nhưng không có giấy phép, thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, đồng thời phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định (trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, phục vụ phòng chống thiên tai).

- Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp công trình có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Vùng hạn chế 3

a) Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

b) Đối với công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định. Trường hợp công trình khai thác để cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thuộc đối tượng phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

d) Tổ chức, cá nhân đã có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10m³/ngày.đêm, giếng khoan khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học nằm trong vùng hạn chế 3 và có chiều sâu lớn hơn 20m thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định.

đ) Đối với các ngành nghề quan trọng sản xuất hàng hóa xuất khẩu, sử dụng ít nước và đòi hỏi chất lượng nước cao hơn chất lượng nước cấp theo QCVN hiện hành (sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản xuất khẩu thuộc ngành nghề chủ lực của địa phương, trong vùng) thì được xem xét cấp giấy phép khai thác nước dưới đất ở các tầng sâu nếu đủ điều kiện được cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

3. Vùng hạn chế hỗn hợp

Áp dụng các biện pháp hạn chế trên cơ sở các biện pháp hạn chế của những vùng bị chồng lấn lên nhau.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng, khu vực hạn chế khai thác.

b) Căn cứ Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt, tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu và lập danh sách các công trình khai thác hiện có thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được công bố, lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

c) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về hạn chế khai thác nước dưới đất.

d) Định kỳ năm (05) năm hoặc khi cần thiết, chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát và trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, phê duyệt Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện tuyên truyền, phổ biến Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định này.

b) Phối hợp quản lý, giám sát trong quá trình lập các quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng, cho phép triển khai các dự án, đề án thuộc lĩnh vực ngành có hoạt động khai thác nước dưới đất phù hợp với quy định về biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất tại Điều 2 Quyết định này.

c) Phối hợp trong công tác tổng hợp, rà soát, báo cáo các nội dung thuộc lĩnh vực sở, ngành có liên quan đến khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc địa bàn quản lý.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu và lập danh sách các công trình khai thác hiện có thuộc vùng hạn chế đã được công bố để lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

c) Giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Quyết định này và Phương án hạn chế được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này bãi bỏ Công văn số 3887/UBND-KT ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh và Công văn số 2602/UBND-KT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đặc biệt là trong khu, cụm công nghiệp.

Điều 5. Giám đốc Sở; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- TT: TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Báo Hậu Giang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Cảnh Tuyên